

TÒA ÁN ND HUYỆN VN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TỈNH THÁI NGUYÊN

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2021/HNGĐ-ST

Ngày 05/02/2021

V/v xin ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VN

Với thành phần hội đồng xét xử gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Hương.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Thành Nhật và bà Dương Thị Hạnh
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đặng Thu Uyên.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện VN, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:* Bà Vũ Thị Năm - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2021, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện VN, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 171/2020/TLST ngày 27 tháng 11 năm 2020 về việc xin ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2021/QĐXX-ST ngày 12 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bế Thị T, sinh năm 1980.

Trú tại: Xóm ĐD, xã PG, huyện VN, Thái Nguyên.

Dân tộc: Nùng; Văn hóa: 2/12; Nghề nghiệp: Công nhân.

(có mặt)

Bị đơn: Anh Hoàng Văn C, sinh năm 1982.

Trú tại: Xóm ĐD, xã PG, huyện VN, Thái Nguyên.

Dân tộc: Kinh; Văn hóa: 7/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng.

(vắng mặt lần 2 không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn chị Tkhai: Chị và anh Ckết hôn năm 2005 đăng ký kết hôn tại UBND xã PG, huyện VN, Thái Nguyên.

Trước khi cưới được tìm hiểu, tự nguyện không bị ép buộc, sau khi cưới vợ chồng sống cùng bố mẹ chồng được hai năm thì đi ở riêng. Quá trình chung sống ban đầu sống hạnh phúc không có mâu thuẫn gì, năm 2010 hai vợ chồng đi làm ăn thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống không thể giải quyết được. Tài sản chung vợ chồng làm được 1 căn nhà gỗ tạp và mua được 3 sào ruộng anh C cũng đã bán hết, hiện nay tôi và các con về ngoại sống và tự kiếm tiền nuôi con. Vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau nữa và đã ly thân từ năm 2014 đến nay. Nay chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể đoàn tụ, không còn quan tâm đến nhau nữa nên chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh C. Về con chung: Chị T và anh C có 2 con chung là Hoàng Trung K sinh ngày 15/8/2004 và Hoàng Ngân T1 sinh ngày 02/01/2009 hiện nay các con đang sống cùng chị, chị tôn trọng nguyện vọng của các con ở với ai người đó sẽ có trách nhiệm nuôi con. Nếu các con có nguyện vọng ở cùng chị, chị sẽ có trách nhiệm nuôi con không yêu cầu anh C đóng góp cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Hoàng Văn C: Sau khi nhận được đơn khởi kiện của chị T quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, Tòa án nhân dân huyện VN đã triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng anh C trốn tránh không hợp tác, không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án. Ngày 06/01/2021, Tòa án nhân dân huyện VN đã tiến hành xác minh tại UBND xã PG, Công an xã PG, ban xóm DD xác định được các giấy triệu tập của Tòa án đã giao nhận hợp lệ cho anh C, hiện nay anh C vẫn có hộ khẩu thường trú tại địa phương chưa cắt chuyển hộ khẩu tạm vắng đi đâu. Do vậy HĐXX vẫn xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án và tiến hành các thủ tục tố tụng trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phù hợp với các quy định của pháp luật, nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Việc giải quyết vụ án: Xét thấy chị T và anh C kết hôn năm 2005 đăng ký kết hôn tại UBND xã PG, huyện VN, Thái Nguyên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn giữa hai vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó cần chấp nhận đơn khởi kiện của chị T, cho chị T được ly hôn anh C. Về con chung cháu Hoàng Trung K sinh ngày 15/8/2004 và Hoàng Ngân T1 sinh ngày 02/01/2009 hiện nay đang sống cùng chị T các cháu đều có nguyện vọng sống cùng chị T nên giao cho chị T có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con tạm hoãn cho anh C vì chị T không yêu cầu. Về tài sản chung và nợ chung không có không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án xin ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS. Tại thời điểm Tòa án thụ lý vụ án bị đơn là anh Hoàng Văn C có hộ khẩu thường trú và cư trú tại xóm ĐD, xã PG, huyện VN, Thái Nguyên, vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện VN, tỉnh Thái Nguyên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị Bê Thị T và anh Hoàng Văn C là cuộc hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, hợp pháp. Bởi lẽ trước khi kết hôn hai bên được tìm hiểu đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PG, huyện VN, Thái Nguyên, sau khi kết hôn hai bên chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì trầm trọng. Năm 2010 hai vợ chồng đi làm ăn thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống không thể giải quyết được, anh C không chăm lo đến cuộc sống gia đình, tài sản chung vợ chồng cũng đã bán hết, hiện nay chị T và các con về ngoại sống và tự kiếm tiền nuôi con, vợ chồng anh chị đã ly thân từ năm 2014 đến nay.

Ngày 27/11/2020 Tòa án nhân dân huyện VN, tỉnh Thái Nguyên đã thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện của chị T về việc xin ly hôn đối với anh C Ngày 06/01/2021, Tòa án nhân dân huyện VN đã tiến hành xác minh tại UBND xã PG, Công an xã PG, ban xóm ĐD xác định được các giấy triệu tập của Tòa án đã giao nhận hợp lệ cho anh C, xác định được hiện nay anh C vẫn có hộ khẩu thường trú tại địa phương chưa cắt chuyển khẩu tạm vắng đi đâu. Các giấy triệu tập gia đình anh Cg đã nhận và thông báo cho anh C biết, nhưng anh C vẫn trốn tránh không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay HĐXX xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh C bị sút mẻ ngày càng căng thẳng trầm trọng, mọi quan hệ vợ chồng đã chấm dứt, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị T xin được ly hôn anh C.

[3]. Về con chung: Quá trình điều tra giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay vắng mặt anh C, cháu Hoàng Trung K sinh ngày 15/8/2004 và Hoàng Ngân T1 sinh ngày 02/01/2009 hiện nay đang sống cùng chị T các cháu đều có nguyện vọng sống cùng chị T. HĐXX xét thấy để đảm bảo cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu K và cháu T1 cần giao cháu cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Tạm hoãn đóng góp cấp dưỡng nuôi con đối với anh C do chị T không yêu cầu, anh C có quyền đi lại thăm con chung.

[4]. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, HĐXX không xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Buộc chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6]. Xét ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện VN, tỉnh Thái Nguyên về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên chấp nhận.

Bởi lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào các Điều 28, 35, 39, 147, 235, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1- Về quan hệ vợ chồng: Cho chị Bé Thị T được ly hôn anh Hoàng Văn C.

2- Về con chung: Giao cho chị Bé Thị T có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hoàng Trung K sinh ngày 15/8/2004 và Hoàng Ngân T1 sinh ngày 02/01/2009 đến khi cháu K và cháu T1 đủ 18 tuổi. Tạm hoãn đóng góp cấp dưỡng nuôi con đối với anh Hoàng Văn C, anh C có quyền đi lại thăm con chung.

3- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4- Về án phí: Buộc chị Bé Thị T phải chịu 300.000^d án phí sơ thẩm ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000^d đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện VN theo biên lai số 0007804 ngày 27 tháng 11 năm 2020.

(Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự).

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết tại UBND xã.

Nơi nhận:

- VKS, THA;
- UBND xã PG;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Thị Hương

